

Số: 196 /TANDTC-GĐKTIIIv/v rút kinh nghiệm trong công tác xét
xử, giải quyết các vụ việcHà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Qua công tác rà soát, nghiên cứu và tham mưu cho lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao giải quyết các vụ, việc trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, lao động, hôn nhân gia đình, phá sản và tư pháp người chưa thành niên, Vụ Giám đốc, kiểm tra III Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy cần rút kinh nghiệm về một số nội dung liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình như sau:

1. Xác định không đúng nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án ly hôn

Trong quá trình giải quyết các vụ án về ly hôn, khi quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, một số Tòa án căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án để xác định nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của các bên đương sự là không chính xác. Điều 26 Nghị quyết này quy định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, không điều chỉnh nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp cả hai thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu một nửa chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*”. Do vậy, Tòa án phải căn cứ vào quy định nêu trên để xác định nghĩa vụ chịu chi phí, xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án ly hôn.

2. Phân chia tài sản chung của vợ chồng là phần vốn góp tại doanh nghiệp chưa bảo đảm quy định pháp luật

Trong vụ án hôn nhân và gia đình về “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”, đối với tài sản chung của vợ chồng là phần vốn góp tại các Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trong đó vợ và chồng là hai thành viên góp vốn. Khi giải quyết vụ án, có Tòa án đã quyết định giao cho mỗi bên quản lý một công ty và buộc bên nhận tài sản có giá trị lớn hơn thanh toán khoản chênh lệch cho bên còn lại.

Việc giải quyết như trên là chưa xem xét đầy đủ tính chất pháp lý của tài sản tranh chấp và hậu quả của phương án phân chia. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phải có từ 02 đến 50 thành viên theo quy định tại Điều 46 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Trường hợp Tòa án giao toàn bộ phần



vốn góp tại một công ty cho một bên dẫn đến công ty đó chỉ còn một thành viên và phải tổ chức lại doanh nghiệp theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp. Điều này dẫn đến quyết định của bản án khó thi hành, ảnh hưởng đến tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của công ty, người lao động, chủ nợ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Do đó, khi giải quyết vụ án chia tài sản sau khi ly hôn trong trường hợp nêu trên, Tòa án cần xác định đúng đối tượng tài sản; thu thập đầy đủ hồ sơ pháp lý, điều lệ, sổ đăng ký thành viên và phải cân nhắc, xem xét hậu quả pháp lý của phương án phân chia đối với cơ cấu thành viên, loại hình và hoạt động của doanh nghiệp.

Vụ Giám đốc, kiểm tra III đề nghị các đồng chí quán triệt và rút kinh nghiệm chung đối với những nội dung nêu trên nhằm bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất, chính xác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Đ/c PCA TANDTC Nguyễn Hải Trâm (để b/c);
- Công thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: Vụ GDKT III.

TL. CHÁNH ÁN
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁM ĐỐC, KIỂM TRA III
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Đình Tiến

